

Phụ lục 1**DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
I	Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố	
1	Quy trình Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ ; hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm	QT-01.T
2	Quy trình Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ ; hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm	QT-02.T

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
3	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	QT-03.T
4	Quy trình Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	QT-04.T
5	Quy trình Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	QT-05.T
6	Quy trình Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	QT-06.T
7	Quy trình Trả lại giấy phép tài nguyên nước	QT-07.T
8	Quy trình Lấy ý kiến ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên	QT-08.T
II	Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Sở Tài nguyên và Môi trường	
9	Quy trình Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển, nước dưới đất	QT-09.S
10	Quy trình Cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m ³ /ngày đêm	QT-10.S
11	Quy trình Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m ³ /ngày đêm	QT-11.S
12	Quy trình Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m ³ /ngày đêm	QT-12.S
13	Quy trình Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m ³ /ngày đêm	QT-13.S
14	Quy trình Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	QT-14.S
15	Quy trình Cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất có quy mô vừa và nhỏ	QT-15.S

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
16	Quy trình Gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất có quy mô vừa và nhỏ	QT-16.S
17	Quy trình Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT-17.S

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT-01.H
2	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m ³ /ngày đêm trở lên	QT-02.H